

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

THUYẾT MINH CÁC NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO THÔNG TƯ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA HỆ THỐNG TÀI KHOẢN KẾ TOÁN CÁC TCTD VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CÁC TCTD (sau đây gọi tắt là Dự thảo Thông tư)

I. Cơ sở và sự cần thiết xây dựng Dự thảo Thông tư:

- Thời gian qua, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 107/2020/TT-BTC ngày 21/12/2020 hướng dẫn giao dịch mua lại có kỳ hạn trái phiếu Chính phủ (TPCP) từ nguồn ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi của Kho bạc Nhà nước (KBNN), trong đó đối tượng áp dụng bao gồm các ngân hàng thương mại đủ điều kiện giao dịch mua lại TPCP với KBNN. Do đó, NHNN sửa đổi, bổ sung Hệ thống tài khoản để có tài khoản phù hợp hơn nhằm hạch toán nghiệp vụ này, phân biệt rõ các khoản Nợ Chính phủ (Kho bạc Nhà nước) với các khoản nợ tổ chức tài chính, tổ chức tín dụng khác.

- Tiếp thu ý kiến của Kiểm toán Nhà nước tại Công văn số 408/KTNM-TH ngày 10/12/2020 về việc đề nghị NHNN nghiên cứu, xem xét sửa đổi Quyết định 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29/4/2004 liên quan đến Tài khoản 95- Tài sản dùng cho thuê tài chính, để đảm bảo giá trị tài sản cho thuê tài chính được xác định định kỳ trên cơ sở định giá lại hoặc giá trị giảm dần theo thời gian sử dụng.

- Ngoài ra, tên và nội dung hạch toán một số tài khoản theo dõi lãi phải thu, lãi phải trả, tài sản gán, xiết nợ chờ xử lý,... cần được sửa đổi cho phù hợp với quy định hiện hành và thực tế kỹ thuật hạch toán của các TCTD khi thực hiện hạch toán trên phần mềm kế toán.

II. Kết cấu và nội dung chính của Dự thảo Thông tư:

Dự thảo Thông tư gồm có 04 Điều:

- Điều 1: Sửa đổi bổ sung một số điều của Hệ thống tài khoản kế toán các TCTD;
- Điều 2: Sửa đổi bổ sung một số điều của Chế độ báo cáo tài chính đối với các TCTD;
- Điều 3: Trách nhiệm tổ chức thực hiện;
- Điều 4: Quy định về hiệu lực thi hành.

Nội dung Dự thảo Thông tư gồm có sửa đổi một số vấn đề chính như sau:

- Dự thảo Thông tư bổ sung tài khoản để TCTD hạch toán nghiệp vụ mua, bán lại trái phiếu chính phủ với KBNN;
- Hủy bỏ, bổ sung một số tài khoản về hạch toán vay NHNN để kết cấu lại các tài khoản này cho phù hợp hơn;

- Dự thảo Thông tư quy định bổ sung tài khoản ngoại bảng theo dõi giá trị tài sản cho thuê tài chính để tính khấu trừ khi trích lập dự phòng rủi ro theo quy định của pháp luật;
- Dự thảo Thông tư sửa đổi nội dung hạch toán tài khoản lãi phải thu, lãi phải trả cho phù hợp với kỹ thuật hạch toán tự động tại các TCTD;
- Dự thảo Thông tư sửa đổi mẫu biểu về cách lấy số liệu Bảng cân kê toán của TCTD, bổ sung nội dung tại Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất).

STT	Hệ thống tài khoản kế toán trước khi sửa đổi	Nội dung sửa đổi	Lý do sửa đổi, bổ sung
1	<ul style="list-style-type: none"> - Tài khoản 139- Dự phòng rủi ro. - Tài khoản 403- Vay Ngân hàng Nhà nước bằng đồng Việt Nam. - Tài khoản 404- Vay Ngân hàng Nhà nước bằng ngoại tệ. - Tài khoản 994- Tài sản, giấy tờ có giá của khách hàng đưa thế chấp, cầm cố. - Tài khoản 995- Tài sản gán, xiết nợ chờ xử lý. 	<p>Khoản 1, Điều 1:</p> <p>a) Bổ sung tài khoản cấp III “1391- Dự phòng cụ thể” và “1392- Dự phòng chung” thuộc tài khoản 139- Dự phòng rủi ro.</p> <p>b) Hủy bỏ các tài khoản sau:</p> <p>(i) Tài khoản cấp II “403- Vay Ngân hàng Nhà nước bằng đồng Việt Nam”, tài khoản cấp II “404- Vay Ngân hàng Nhà nước bằng ngoại tệ” thuộc tài khoản 40- Các khoản Nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước;</p> <p>(ii) Các tài khoản cấp III “4031- Vay theo hồ sơ tín dụng”, “4032- Vay chiết khấu, tái chiết khấu các giấy tờ có giá”, “4033- Vay cầm cố các giấy tờ có giá”, “4034- Vay thanh toán bù trừ”, “4035- Vay hỗ trợ đặc biệt”, “4038- Vay khác”, “4039- Nợ quá hạn” thuộc tài khoản cấp II 403- Vay Ngân hàng Nhà nước bằng đồng Việt Nam;</p> <p>(iii) Các tài khoản cấp III “4041- Nợ vay trong hạn”, “4049- Nợ quá hạn” thuộc tài khoản cấp II 404- Vay Ngân hàng Nhà nước bằng ngoại tệ.</p> <p>c) Bổ sung tài khoản cấp II “403- Giao dịch bán và mua lại trái phiếu Chính phủ với Kho bạc Nhà nước”, “404- Vay Ngân hàng Nhà nước bằng đồng Việt Nam” và “405- Vay Ngân hàng Nhà nước bằng ngoại tệ” thuộc tài khoản 40- Các khoản Nợ Chính phủ và Ngân hàng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung tài khoản 1391, tài khoản 1392 để phản ánh nội dung dự phòng rủi ro chung và dự phòng rủi ro cụ thể đối với các khoản tiền gửi tại TCTD khác. - Các điểm b,c,d,đ được quy định tại dự thảo Thông tư để bổ sung tài khoản phù hợp hơn để phản ánh “Giao dịch bán và mua lại trái phiếu Chính phủ với Kho bạc Nhà nước” theo quy định tại Thông tư số 107/2020/TT-BTC. Đồng thời sắp xếp lại số hiệu các tài khoản thuộc tài khoản 40 theo hướng nhóm các khoản Nợ KBNN được theo dõi trên tài khoản 401,402,403; nhóm các khoản nợ của Ngân hàng Nhà nước trên tài khoản 404,405. Do vậy, Dự thảo đã hủy các tài khoản cấp II 403, 404 và các tài khoản cấp III tương ứng. Đồng thời, bổ sung tài khoản cấp II 403,404,405 và các tài khoản

	<p>Nhà nước.</p> <p>d) Bổ sung tài khoản cấp III “4041- Vay theo hồ sơ tín dụng”, “4042- Vay chiết khấu, tái chiết khấu các giấy tờ có giá”, “4043- Vay có bảo đảm bằng cầm cố các giấy tờ có giá”, “4044- Vay thanh toán bù trừ”, “4045- Vay đặc biệt”, “4048- Vay khác”, “4049- Nợ quá hạn” thuộc tài khoản 404- Vay Ngân hàng Nhà nước bằng đồng Việt Nam.</p> <p>đ) Bổ sung tài khoản cấp III “4051- Nợ vay trong hạn”, “4059- Nợ quá hạn” thuộc tài khoản 405- Vay Ngân hàng Nhà nước bằng ngoại tệ.</p> <p>e) Bổ sung tài khoản cấp II “953- Giá trị tài sản cho thuê tài chính để tính khấu trừ khi trích lập dự phòng rủi ro” thuộc tài khoản 95- Tài sản dùng để cho thuê tài chính.</p> <p>g) Sửa tên tài khoản cấp II “994- Tài sản, giấy tờ có giá của khách hàng đưa thế chấp, cầm cố” thành “994- Tài sản, giấy tờ có giá của khách hàng đưa thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu”.</p> <p>h) Sửa tên tài khoản “995- Tài sản gán, xiết nợ chờ xử lý” thành “Tài sản thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm chưa chuyển quyền sở hữu cho tổ chức tín dụng chờ xử lý”.</p>	<p>cấp III tương ứng.</p> <p>Sau khi sửa đổi, tài khoản 403 dùng để theo dõi “Giao dịch bán và mua lại trái phiếu Chính phủ với Kho bạc Nhà nước”; tài khoản 404 theo dõi “Vay Ngân hàng Nhà nước bằng đồng Việt Nam” (nội dung của tài khoản 403 trước khi sửa đổi) và tài khoản 405 theo dõi “Vay Ngân hàng Nhà nước bằng ngoại tệ” (nội dung của tài khoản 404 trước khi sửa đổi).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung tài khoản cấp III “953- Giá trị tài sản cho thuê tài chính để tính khấu trừ khi trích lập dự phòng rủi ro” để thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước tại Công văn 408/KTNN-TH ngày 10/12/20. - Sửa tên tài khoản 994 để đảm bảo khớp đúng với nội dung tài khoản 994 tại Mục III Hệ thống tài khoản các TCTD. - Sửa tên tài khoản “995- Tài sản thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm chưa chuyển quyền sở hữu cho tổ chức tín dụng chờ xử lý” để đảm bảo sử dụng ngôn ngữ phù hợp với Luật các TCTD năm 2010 và Nghị định số 21/2021/NĐ-CP quy định thi hành Bộ luật Dân sự về đảm bảo thực hiện nghĩa
--	---	--

			vụ.
2	<p>“Tài khoản 139- Dự phòng rủi ro</p> <p>Tài khoản này dùng để phản ánh việc tổ chức tín dụng trích lập, xử lý và hoàn nhập các khoản dự phòng rủi ro theo quy định của pháp luật về trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro đối với các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập, hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng ở nước ngoài.</p> <p>Nội dung hạch toán các tài khoản này như sau:</p> <p>Bên Có ghi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số dự phòng được trích lập tính vào chi phí. <p>Bên Nợ ghi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro. - Hoàn nhập số chênh lệch thừa dự phòng đã lập theo quy định. <p>Số dư Có:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phản ánh số dự phòng hiện có cuối kỳ. <p>Hạch toán chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mở 01 tài khoản chi tiết.” 	<p>Điểm a Khoản 2 Điều 1:</p> <p>Bổ sung tài khoản 139- Dự phòng rủi ro như sau:</p> <p>“Tài khoản 139- Dự phòng rủi ro</p> <p>Tài khoản này dùng để phản ánh việc tổ chức tín dụng trích lập, xử lý và hoàn nhập các khoản dự phòng rủi ro theo quy định của pháp luật về trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro đối với các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập, hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng ở nước ngoài.</p> <p>Tài khoản 139 có các tài khoản cấp III sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> 1391- Dự phòng cụ thể 1392- Dự phòng chung <p>Nội dung hạch toán các tài khoản này như sau:</p> <p>Bên Có ghi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số dự phòng được trích lập tính vào chi phí. <p>Bên Nợ ghi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro. - Hoàn nhập số chênh lệch thừa dự phòng đã lập theo quy định. <p>Số dư Có:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phản ánh số dự phòng hiện có cuối kỳ. <p>Hạch toán chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mở 01 tài khoản chi tiết.” 	<p>Bổ sung tài khoản cấp III 1391, tài khoản 1392 để hạch toán riêng khoản dự phòng rủi ro chung và dự phòng rủi ro cụ thể đối với các khoản tiền gửi tại TCTD khác.</p>
3	<p>“Tài khoản 391- Lãi phải thu từ tiền gửi</p> <p>Tài khoản này dùng để phản ánh số lãi phải thu dồn tích tính trên số tiền gửi mà Tổ chức tín dụng gửi tại Ngân hàng Nhà nước và tại các Tổ chức tín dụng khác.</p> <p>Tài khoản 391 có các tài khoản cấp III sau:</p>	<p>Điểm b Khoản 2 Điều 1:</p> <p>Sửa đổi tài khoản 391- Lãi phải thu từ tiền gửi như sau:</p> <p>“Tài khoản 391- Lãi phải thu từ tiền gửi</p> <p>Tài khoản này dùng để phản ánh số lãi phải thu dồn tích tính trên số tiền gửi mà Tổ chức tín dụng gửi tại Ngân</p>	<p>Sửa nội dung hạch toán bên Nợ, bên Có của tài khoản 391- Lãi phải thu từ tiền gửi để phù hợp với kỹ thuật hạch toán trong thực tế của các TCTD khi thực hiện hạch toán lãi dự thu trên phần mềm kế toán.</p>

	<p>3911- Lãi phải thu từ tiền gửi bằng đồng Việt Nam 3912- Lãi phải thu từ tiền gửi bằng ngoại tệ</p> <p>Hạch toán tài khoản này phải thực hiện theo các quy định sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ. 2. Lãi phải thu từ tiền gửi thể hiện số lãi tính dồn tích mà Tổ chức tín dụng đã hạch toán vào thu nhập nhưng chưa được tổ chức nhận tiền gửi thanh toán (chi trả). <p>Bên Nợ ghi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lãi phải thu từ tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước và các Tổ chức tín dụng khác tính cộng dồn. <p>Bên Có ghi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số tiền lãi do tổ chức nhận tiền gửi đã chi trả. <p>Số dư Nợ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phản ánh số lãi tiền gửi còn phải thu của Tổ chức tín dụng. <p>Hạch toán chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mở tài khoản chi tiết theo từng loại tiền gửi.” 	<p>hàng Nhà nước và tại các tổ chức tín dụng khác. Tài khoản 391 có các tài khoản cấp III sau:</p> <p>3911- Lãi phải thu từ tiền gửi bằng đồng Việt Nam 3912- Lãi phải thu từ tiền gửi bằng ngoại tệ</p> <p>Hạch toán tài khoản này phải thực hiện theo các quy định sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ. 2. Lãi phải thu từ tiền gửi thể hiện số lãi tính dồn tích mà tổ chức tín dụng đã hạch toán vào thu nhập nhưng chưa được tổ chức nhận tiền gửi thanh toán (chi trả). <p>Bên Nợ ghi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lãi phải thu dồn tích tăng. <p>Bên Có ghi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lãi phải thu dồn tích giảm. <p>Số dư Nợ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phản ánh số lãi tiền gửi còn phải thu của tổ chức tín dụng. <p>Hạch toán chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mở tài khoản chi tiết theo từng loại tiền gửi.” 	
4	<p>Tài khoản 403- Vay Ngân hàng Nhà nước bằng đồng Việt Nam</p> <p>Tài khoản này dùng để phản ánh số tiền đồng Việt Nam Tổ chức tín dụng vay Ngân hàng Nhà nước theo các hình thức tái cấp vốn.</p> <p>Tài khoản 403 có các tài khoản cấp III như sau:</p> <p>4031 - Vay theo hồ sơ tín dụng</p> <p>4032 - Vay chiết khấu, tái chiết khấu các giấy tờ có giá</p> <p>4033 - Vay cầm cố các giấy tờ có giá</p>	<p>Điểm c Khoản 2 Điều 1:</p> <p>Sửa đổi tài khoản 403- Vay Ngân hàng Nhà nước bằng đồng Việt Nam như sau:</p> <p>“Tài khoản 403 - Giao dịch bán và mua lại trái phiếu Chính phủ với Kho bạc Nhà nước” để hạch toán nghiệp vụ TCTD bán và cam kết mua lại trái phiếu Chính phủ (TPCP) với Kho bạc Nhà nước (KBNN) đảm bảo phù hợp với quy định tại Thông tư 107/2020/TT-BTC ngày 21/12/2020 hướng dẫn giao dịch mua lại có kỳ hạn TPCP từ</p>	<p>Sắp xếp lại để bổ sung tài khoản “Giao dịch bán và mua lại trái phiếu Chính phủ với Kho bạc Nhà nước” để hạch toán nghiệp vụ TCTD bán và cam kết mua lại trái phiếu Chính phủ (TPCP) với Kho bạc Nhà nước (KBNN) đảm bảo phù hợp với quy định tại Thông tư 107/2020/TT-BTC ngày 21/12/2020 hướng dẫn giao dịch mua lại có kỳ hạn TPCP từ</p>

<p>4034 - Vay thanh toán bù trừ</p> <p>4035 - Vay hỗ trợ đặc biệt</p> <p>4038 - Vay khác</p> <p>4039 - Nợ quá hạn</p> <p>Nội dung hạch toán các tài khoản:</p> <p>4031- Vay theo hồ sơ tín dụng</p> <p>4032- Vay chiết khấu, tái chiết khấu các giấy tờ có giá</p> <p>4033- Vay cầm cố các giấy tờ có giá</p> <p>4034- Vay thanh toán bù trừ</p> <p>4035- Vay hỗ trợ đặc biệt</p> <p>4038- Vay khác (bao gồm các mục tiêu Chính phủ chỉ định)</p> <p>Bên Có ghi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số tiền vay Ngân hàng Nhà nước. <p>Bên Nợ ghi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số tiền trả nợ Ngân hàng Nhà nước. - Số tiền vay Ngân hàng Nhà nước chuyển sang tài khoản nợ quá hạn <p>Số dư Có:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phản ánh số tiền Tổ chức tín dụng đang vay Ngân hàng Nhà nước. <p>Hạch toán chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mở 1 tài khoản chi tiết. <p>Tài khoản 4039 - Nợ quá hạn</p> <p>Tài khoản này dùng để hạch toán số tiền đồng Việt Nam Tổ chức tín dụng vay Ngân hàng Nhà nước đã quá hạn trả.</p> <p>Bên Có ghi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số tiền vay đã quá hạn trả (chuyển từ các tài khoản vay Ngân hàng Nhà 	<p>Hạch toán vào tài khoản này Tổ chức tín dụng phải chấp hành đúng các qui định về hình thức giao dịch, thời hạn giao dịch và thu nhập từ trái phiếu Chính phủ trong giao dịch mua bán lại được qui định tại các cơ chế tài chính hiện hành về giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ.</p> <p>Bên Có ghi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị giao dịch lần 1 (tổ chức tín dụng bán cho Kho bạc Nhà nước) tại ngày thanh toán giao dịch lần 1. - Phân bổ số chênh lệch giữa giá trị giao dịch lần 1 và giá trị giao dịch lần 2 trái phiếu Chính Phủ với Kho bạc Nhà nước theo hợp đồng giao dịch. <p>Bên Nợ ghi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị giao dịch lần 2 (tổ chức tín dụng mua lại của Kho bạc Nhà nước) tại ngày thanh toán giao dịch lần 2. <p>Số dư Có:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị trái phiếu Chính phủ đang bán cho Kho bạc Nhà nước của tổ chức tín dụng khi chưa kết thúc thời hạn hợp đồng mua bán lại.” <p>Hạch toán chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mở 1 tài khoản chi tiết. 	<p>nguồn ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi của KBNN, trong đó đối tượng áp dụng bao gồm các ngân hàng thương mại đủ điều kiện giao dịch mua bán lại TPCP với KBNN.</p> <p>Việc sửa đổi, bổ sung thêm tài khoản này để có tài khoản phù hợp hơn nhằm hạch toán nghiệp vụ này, phân biệt rõ các khoản Nợ Chính phủ (Kho bạc Nhà nước) với các khoản nợ tổ chức tài chính, tổ chức tín dụng khác.</p>
---	--	--

	<p>nước sang).</p> <p>Bên Nợ ghi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số tiền trả nợ Ngân hàng Nhà nước. <p>Số dư Có:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phản ánh số tiền vay Ngân hàng Nhà nước đã quá hạn trả. <p>Hạch toán chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mở 1 tài khoản chi tiết.” 		
5	<p>Tài khoản 404- Vay Ngân hàng Nhà nước bằng ngoại tệ</p> <p>Tài khoản này dùng để phản ánh số ngoại tệ Tổ chức tín dụng vay Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>Tài khoản 404 có các tài khoản cấp III sau:</p> <p>4041 - Nợ vay trong hạn.</p> <p>4049 - Nợ quá hạn.</p> <p>Nội dung hạch toán tài khoản 4041 giống như nội dung hạch toán tài khoản 4031</p> <p>Nội dung hạch toán tài khoản 4049 giống như nội dung hạch toán tài khoản 4039</p>	<p>Điểm d Khoản 2 Điều 1:</p> <p>Sửa đổi tài khoản 404- Vay Ngân hàng Nhà nước bằng ngoại tệ như sau:</p> <p>“Tài khoản 404- Vay Ngân hàng Nhà nước bằng đồng Việt Nam”</p> <p>Tài khoản này dùng để phản ánh số tiền đồng Việt Nam Tổ chức tín dụng vay Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>Tài khoản 404 có các tài khoản cấp III như sau:</p> <p>4041 - Vay theo hồ sơ tín dụng</p> <p>4042 - Vay chiết khấu, tái chiết khấu các giấy tờ có giá</p> <p>4043 - Vay có bảo đảm bằng cầm cố các giấy tờ có giá</p> <p>4044 - Vay thanh toán bù trừ</p> <p>4045 - Vay đặc biệt</p> <p>4048 - Vay khác</p> <p>4049 - Nợ quá hạn</p> <p>Nội dung hạch toán các tài khoản:</p> <p>4041- Vay theo hồ sơ tín dụng</p> <p>4042- Vay chiết khấu, tái chiết khấu các giấy tờ có giá</p> <p>4043- Vay có bảo đảm bằng cầm cố các giấy tờ có giá</p> <p>4044- Vay thanh toán bù trừ</p> <p>4045- Vay đặc biệt</p> <p>4048- Vay khác (bao gồm các khoản vay có thời hạn</p>	<p>Bổ sung để sắp xếp lại các tài khoản thuộc tài khoản 40. Tài khoản này để theo dõi khoản “Vay Ngân hàng Nhà nước bằng đồng Việt Nam” (trước khi sắp xếp lại là tài khoản 403- Vay Ngân hàng Nhà nước bang đồng Việt Nam) như đã giải trình tại mục 1.</p>

	<p>theo các mục tiêu Chính phủ chỉ định)</p> <p>Bên Có ghi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số tiền vay Ngân hàng Nhà nước. <p>Bên Nợ ghi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số tiền trả nợ Ngân hàng Nhà nước. - Số tiền vay Ngân hàng Nhà nước chuyển sang tài khoản nợ quá hạn <p>Số dư Có:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phản ánh số tiền Tỷ lệ tín dụng đang vay Ngân hàng Nhà nước. <p>Hạch toán chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mở 1 tài khoản chi tiết. <p>Tài khoản 4049 - Nợ quá hạn</p> <p>Tài khoản này dùng để hạch toán số tiền đồng Việt Nam Tỷ lệ tín dụng vay Ngân hàng Nhà nước đã quá hạn trả.</p> <p>Bên Có ghi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số tiền vay đã quá hạn trả (chuyển từ các tài khoản vay Ngân hàng Nhà nước sang). <p>Bên Nợ ghi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số tiền trả nợ Ngân hàng Nhà nước. <p>Số dư Có:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phản ánh số tiền vay Ngân hàng Nhà nước đã quá hạn trả. <p>Hạch toán chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mở 1 tài khoản chi tiết.” 	
6	<p>Không có tài khoản 405.</p> <p>Điểm đ Khoản 2 Điều 1:</p> <p>Bổ sung Tài khoản 405- Vay Ngân hàng Nhà nước bằng ngoại tệ như sau:</p> <p>“Tài khoản 405- Vay Ngân hàng Nhà nước bằng ngoại tệ”</p>	<p>Bổ sung để sắp xếp lại các tài khoản thuộc tài khoản 40. Tài khoản này để theo dõi khoản “Vay Ngân hàng Nhà nước bằng ngoại tệ” (trước khi sắp xếp lại</p>

		<p>Tài khoản này dùng để phản ánh số ngoại tệ Tổ chức tín dụng vay Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>Tài khoản 405 có các tài khoản cấp III sau:</p> <p>4051 - Nợ vay trong hạn.</p> <p>4059 - Nợ quá hạn.</p> <p>Nội dung hạch toán tài khoản 4051 giống như nội dung hạch toán tài khoản 4041</p> <p>Nội dung hạch toán tài khoản 4059 giống như nội dung hạch toán tài khoản 4049”.</p>	<p>là tài khoản 404- Vay Ngân hàng Nhà nước bằng ngoại tệ) như đã giải trình tại mục 1.</p>
7	<p>Tài khoản 491- Lãi phải trả cho tiền gửi</p> <p>Tài khoản này dùng để phản ánh số lãi phải trả dồn tích tính trên số tiền gửi của khách hàng đang gửi tại Tổ chức tín dụng.</p> <p>Hạch toán tài khoản này phải thực hiện theo các quy định sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Lãi phải trả cho tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ. 2. Lãi phải trả cho tiền gửi thể hiện số lãi tính dồn tích mà Tổ chức tín dụng đã hạch toán vào chi phí nhưng chưa chi trả cho khách hàng. <p>Tài khoản 491 có các tài khoản cấp III sau:</p> <p>4911- Lãi phải trả cho tiền gửi bằng đồng Việt Nam.</p> <p>4912- Lãi phải trả cho tiền gửi bằng ngoại tệ.</p> <p>4913- Lãi phải trả cho tiền gửi tiết kiệm bằng đồng Việt Nam</p> <p>4914- Lãi phải trả cho tiền gửi tiết kiệm bằng ngoại tệ và vàng</p> <p>Bên Có ghi: - Số tiền lãi phải trả dồn tích</p> <p>Bên Nợ ghi: - Số tiền lãi đã trả.</p> <p>Số dư Có: - Phản ánh số tiền lãi phải trả dồn tích, chưa thanh toán.</p>	<p>Điểm e Khoản 2 Điều 1:</p> <p>Sửa đổi tài khoản 491- Lãi phải trả cho tiền gửi như sau:</p> <p>“Tài khoản 491- Lãi phải trả cho tiền gửi”</p> <p>Tài khoản này dùng để phản ánh số lãi phải trả dồn tích tính trên số tiền gửi của khách hàng đang gửi tại tổ chức tín dụng.</p> <p>Hạch toán tài khoản này phải thực hiện theo các quy định sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Lãi phải trả cho tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ. 2. Lãi phải trả cho tiền gửi thể hiện số lãi tính dồn tích mà tổ chức tín dụng đã hạch toán vào chi phí nhưng chưa chi trả cho khách hàng. <p>Tài khoản 491 có các tài khoản cấp III sau:</p> <p>4911- Lãi phải trả cho tiền gửi bằng đồng Việt Nam.</p> <p>4912- Lãi phải trả cho tiền gửi bằng ngoại tệ.</p> <p>4913- Lãi phải trả cho tiền gửi tiết kiệm bằng đồng Việt Nam</p> <p>4914- Lãi phải trả cho tiền gửi tiết kiệm bằng ngoại tệ và vàng</p> <p>Bên Có ghi: - Số lãi phải trả dồn tích tăng.</p> <p>Bên Nợ ghi: - Số lãi phải trả dồn tích giảm.</p> <p>Số dư Có: - Phản ánh số tiền lãi phải trả</p>	<p>Sửa nội dung hạch toán bên Nợ, bên Có của tài khoản 491- Lãi phải trả cho tiền gửi để phù hợp với kỹ thuật hạch toán trong thực tế của các TCTD khi thực hiện hạch toán dự trả lãi trên phần mềm kê toán.</p>

	Hạch toán chi tiết: - Mở tài khoản chi tiết theo từng loại tiền gửi.”	Hạch toán chi tiết: dồn tích, chưa thanh toán.	
8	Không có tài khoản 953.	<p>Điểm g Khoản 2 Điều 1: Bổ sung tài khoản 953- Giá trị tài sản cho thuê tài chính để tính khấu trừ khi trích lập dự phòng rủi ro như sau: “Tài khoản 953- Giá trị tài sản cho thuê tài chính để tính khấu trừ khi trích lập dự phòng rủi ro</p> <p>Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị tài sản cho thuê tài chính để tính khấu trừ khi trích lập dự phòng rủi ro theo quy định của pháp luật.</p> <p>Bên Nợ ghi: - Giá trị của tài sản cho thuê tài chính tăng.</p> <p>Bên Có ghi: - Giá trị của tài sản cho thuê tài chính giảm.</p> <p>Số dư Nợ: - Phản ánh giá trị của tài sản cho thuê tài chính để tính khấu trừ khi trích lập dự phòng rủi ro theo quy định của pháp luật.</p> <p>Hạch toán chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mở tài khoản chi tiết theo từng loại tài sản cho thuê tài chính.” 	<p>Tại Công văn số 408/KTNN-TH ngày 10/12/2020, Kiểm toán Nhà nước đã có ý kiến về việc tính giá trị khấu trừ của tài sản cho thuê tài chính tại Thông tư 02/2013/TT-NHNN, đồng thời đề nghị NHNN nghiên cứu, xem xét sửa đổi Quyết định 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29/4/2004 liên quan đến Tài khoản 95- Tài sản dùng để cho thuê tài chính, để đảm bảo giá trị tài sản cho thuê tài chính được xác định định kỳ trên cơ sở định giá lại hoặc giá trị giảm dần theo thời gian sử dụng.</p> <p>Bên cạnh đó, hiện nay, Thông tư 11/2021/TT-NHNN thay thế thông tư 02/2013/TT-NHNN đã sửa đổi nội dung về tính giá trị khấu trừ của tài sản cho thuê tài chính theo nguyên tắc giá trị tài sản cho thuê tài chính được định giá lại hoặc xác định theo giá trị còn lại của tài sản. Hiện nay Hệ thống tài khoản các TCTD đã có tài khoản 951,952 theo dõi giá mua ban đầu của tài sản cho thuê tài chính. NHNN (Vụ Tài chính – Kế toán) thấy rằng việc duy trì</p>

			tài khoản 951, 952 để theo dõi giá mua ban đầu của tài sản cho thuê tài chính là cần thiết để đảm bảo việc kiểm kê, đối chiếu tài sản cho thuê tài chính được thực hiện thuận tiện, khớp đúng (kể cả trường hợp tài sản này đã khấu hao hết, giá trị còn lại bằng 0). Để đáp ứng kiến nghị của KTNN và phù hợp với quy định tại Thông tư số 11/2021/TT-NHNN, dự thảo Thông tư bổ sung tài khoản “953- Giá trị tài sản cho thuê tài chính để tính khấu trừ khi trích lập dự phòng rủi ro” để theo dõi giá trị được sử dụng để tính khấu trừ khi trích lập dự phòng rủi ro theo quy định của pháp luật.
9	<p>Tài khoản 995- Tài sản gán, xiết nợ chờ xử lý Tài khoản này dùng để phản ánh các tài sản gán, xiết nợ của tổ chức, cá nhân vay vốn Tổ chức tín dụng để chờ xử lý do thiếu bảo đảm nợ vay.</p> <p>Bên Nợ ghi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị tài sản tổ chức tín dụng tạm giữ chờ xử lý. <p>Bên Có ghi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị tài sản tổ chức tín dụng tạm giữ đã được xử lý. <p>Số dư Nợ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phản ánh giá trị tài sản thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm đã chuyển quyền sở hữu cho tổ chức tín dụng tạm giữ chờ xử 	<p>Điểm h Khoản 2 Điều 1: Sửa đổi tài khoản 995- Tài sản gán, xiết nợ chờ xử lý như sau:</p> <p>“Tài khoản 995- Tài sản thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm chưa chuyển quyền sở hữu cho tổ chức tín dụng chờ xử lý</p> <p>Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị tài sản bảo đảm nhận thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm chưa chuyển quyền sở hữu cho tổ chức tín dụng chờ xử lý.</p> <p>Bên Nợ ghi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị tài sản thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm chờ xử lý. 	<p>Sửa đổi tài khoản 995- Tài sản thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm chờ xử lý để đảm bảo sử dụng ngôn ngữ phù hợp với Luật các TCTD năm 2010 và Nghị định số 21/2021/NĐ-CP quy định thi hành Bộ luật Dân sự về đảm bảo thực hiện nghĩa vụ.</p>

	<p>lý.</p> <p>Hạch toán chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mở tài khoản chi tiết theo từng loại tài sản tạm giữ. <p>Ngoài sổ tài khoản chi tiết, Tổ chức tín dụng mở sổ theo dõi chi tiết tài sản gán, xiết nợ của từng tổ chức, cá nhân vay.</p>	<p>Bên Có ghi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị tài sản thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm đã xử lý. <p>Số dư Nợ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phản ánh giá trị tài sản thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm chờ xử lý. <p>Hạch toán chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mở tài khoản chi tiết theo từng loại tài sản thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm chờ xử lý. <p>Ngoài sổ tài khoản chi tiết, tổ chức tín dụng mở sổ theo dõi chi tiết tài sản thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm chưa chuyển quyền sở hữu cho tổ chức tín dụng chờ xử lý của từng bên bảo đảm.”</p>	
	Chế độ báo cáo tài chính trước khi sửa đổi	Nội dung sửa đổi	Lý do sửa đổi, bổ sung
10	Cách lấy số liệu chi tiêu “B.I. Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước” trên biểu B02/TCTD và B02/TCTD-HN Bảng cân đối kế toán là: “Đư có TK 401, 402, 403, 404”.	<p>Khoản 1 Điều 2:</p> <p>Sửa đổi Cách lấy số liệu từ Bảng cân đối tài khoản kế toán (áp dụng cho Bảng cân đối kế toán) của chi tiêu Các khoản nợ Chính phủ và NHNN tại cột 5 mục 1 phần B tại mẫu biểu B02/TCTD, B02/TCTD-HN (đã được thay thế tại Khoản 1 Điều 13 Thông tư số 49/2014/TT-NHNN) như sau: “DC TK40”.</p>	Sửa đổi cách lấy số liệu từ bảng cân đối tài khoản lên bảng cân đối kế toán, để đảm bảo lấy đầy đủ số dư các tài khoản thuộc tài khoản 40 sau khi đã sắp xếp lại như đã nêu tại mục 1.
11	Mục V.4 “Chứng khoán kinh doanh” trên biểu B05/TCTD, B05/TCTD-HN Thuyết minh báo cáo tài chính (hợp nhất) không quy định nội dung “Phân tích chất lượng dư nợ chứng khoán kinh doanh”.	<p>Khoản 2 Điều 2</p> <p>Sửa đổi, bổ sung mục 4 phần V tại mẫu biểu B05/TCTD, B05/TCTD-HN (đã được thay thế tại Khoản 1 Điều 13 Thông tư số 49/2014/TT-NHNN) về Chứng khoán kinh doanh như sau:</p> <p>Sửa đổi, bổ sung thêm nội dung “Phân tích chất lượng dư nợ hoạt động mua nợ: Nợ dù tiêu chuẩn, Nợ cần chú</p>	Bổ sung thêm nội dung “Phân tích chất lượng dư nợ chứng khoán kinh doanh” tại thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) của TCTD để đảm bảo phù hợp với việc phân loại nợ theo từng nhóm nợ đối với các tài sản

		ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ, Nợ có khả năng mất vốn”.	có phải thực hiện phân loại theo Thông tư 11/2021/TT-NHNN.
12	Mục V.7. “Hoạt động mua nợ” trên biểu B05/TCTD, B05/TCTD-HN Thuyết minh báo cáo tài chính (hợp nhất) không quy định nội dung “Phân tích chất lượng dư nợ hoạt động mua nợ”.	<p>Khoản 3 Điều 2 Sửa đổi, bổ sung mục 7 phần V tại mẫu biểu B05/TCTD, B05/TCTD-HN (đã được thay thế tại Khoản 1 Điều 13 Thông tư số 49/2014/TT-NHNN) về Chứng khoán kinh doanh như sau: Sửa đổi, bổ sung thêm nội dung “Phân tích chất lượng dư nợ hoạt động mua nợ: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ, Nợ có khả năng mất vốn”.</p>	Bổ sung thêm nội dung “Phân tích chất lượng dư nợ hoạt động mua nợ”, tại thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) của TCTD để đảm bảo phù hợp với việc phân loại nợ theo từng nhóm nợ đối với các tài sản có phải thực hiện phân loại theo Thông tư 11/2021/TT-NHNN

luu